

Giới Thiệu Sách

Có phải người Trung Quốc đã tìm ra Châu Mỹ vào năm 1421 ?

Phạm Nguyễn Hanh

Giới Thiệu Sách :

Từ hơn 5 thế kỷ, lịch sử nhân loại đã công nhận Christopher Columbus là người đầu tiên tìm ra châu Mỹ vào ngày 12 tháng 10 năm 1492 trong chuyến hàng hải thám hiểm xuyên Đại Tây Dương đầu tiên. Trong chuyến này, ông ta đặt chân lên đảo Bahamas, nhưng tưởng rằng đã đi hết vòng trái đất và đến Ấn Độ. Sau đó, Columbus thực hiện thêm 3 chuyến hải hành nữa, và tìm ra quần đảo Caribs.

Nhưng một cuốn sách xuất bản vào đầu năm 2003, tựa đề: “1421: The Year China Discovered America”, (1421: Năm Trung Quốc Tìm Ra Châu Mỹ), của Gavin Menzies đã làm chấn động dư luận và gây tranh cãi sâu rộng giữa các nhà nghiên cứu về sử học cũng như về nhiều ngành nhân văn. Giới truyền thông tại Hoa Kỳ và Anh, trong đó có The New York Times Magazine, bàn cãi rất nhiều về những chứng liệu Menzies đưa ra. Đặc biệt, hội Royal Geographic Society của Anh Quốc có mời Menzies đến thuyết trình. Đúng dịp này, một nhóm ký giả truyền hình Trung Quốc có mặt ở Luân Đôn tìm đến và mời Menzies qua Trung Quốc nói chuyện. Ở đây, có hai giáo sư đại học Trung Quốc nghiên cứu cùng đề tài, nhưng hoàn toàn riêng rẽ và Menzies không hề biết hay tiếp xúc trước với họ. Thật bất ngờ, kết quả nghiên cứu của họ đã xác nhận quan điểm của Menzies. Chúng tôi không biết hai người này nghiên cứu theo tinh thần thuần túy khoa học, hay theo chỉ thị của nhà cầm quyền, như một số khác đã làm trong vụ tranh chấp các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa với Việt Nam. Trong một buổi thảo luận khác, một diễn giả kết luận rằng chỉ cần một nửa chứng liệu của Menzies đúng, thì không còn nghi ngờ gì nữa, người Trung Quốc đã tìm ra châu Mỹ.

Trong cuốn sách dày hơn 550 trang này, Gavin Menzies trình bày rất nhiều dữ kiện để chứng minh rằng người Trung Quốc đã đến châu Mỹ vào năm 1421, hơn 70 năm trước Christopher Columbus. Không những đến châu Mỹ, họ còn đặt chân đến các vùng Patagonia nay thuộc Argentina, dãy núi Andes, và còn đến cả châu Úc, đảo Greenland, và Bắc cực nữa!

Gavin Menzies là một cựu sĩ quan hải quân hoàng gia Anh từ 1953, đã chỉ huy nhiều tàu chiến từ 1959 đến 1970 trước khi giải ngũ. Trong hơn 10 năm Menzies đi khắp các đại dương, nhiều lần đi đúng tuyến đường của các nhà hàng hải thám hiểm trong các thế kỷ 15, 16 và 17. Trong 3 năm chỉ huy tiềm thủy đình Rorqual, Menzies đi theo hành trình của Ferdinand Magellan và thuyền trưởng James Cook. Sau khi giải ngũ, ông ta đi du lịch nhiều quốc gia, và đến Trung Quốc nhiều lần để tìm hiểu về Vạn Lý Trường Thành và Tử Cấm Thành. Một cơ duyên kỳ thú đã đến với Menzies vào năm 1992, khi ông ta được thấy bộ sưu tập bản đồ của Huân tước Thomas Phillips ở thư viện James Ford Bell thuộc Đại Học Minnesota, Hoa Kỳ. Trong bộ sưu tập này, Menzies tìm thấy một bản đồ do nhà bản đồ học Zuane Pizzigano người Venice vẽ năm 1424. Đó là bản đồ của châu Âu và một phần của châu Phi, và đặc biệt là có bốn hòn đảo ở cực Tây của Đại Tây Dương. Làm sao mà Pizzigano vẽ được bốn hòn đảo này vào thời điểm đó, vì chưa có một người Âu nào thám hiểm vùng này, còn Christopher Columbus thì đến 1492 mới đặt chân đến đảo Bahamas? Ngoài bản đồ trên, Menzies còn tìm ra nhiều bản đồ khác, của vùng Patagonia và dãy núi Andes, các bản đồ đó được thiết lập khoảng 100 năm trước khi người Âu đầu tiên đặt chân lên các vùng này. Và cả Úc châu cũng được vẽ,

3 thế kỷ trước khi thuyền trưởng James Cook đến.

Khám phá này khiến Menzies phải bỏ dở công trình nghiên cứu về Vạn Lý Trường Thành và Tử Cấm Thành để nghiên cứu đề tài mới này. Menzies thấy rằng ở Âu châu, vào đầu thế kỷ 15, chỉ có Venice và Bồ Đào Nha là có khả năng thám hiểm bằng đường hàng hải, mà Venice thì hầu như đã ngưng hoạt động. Christopher Columbus là người Genoa nước Ý, nhưng vì đam mê thám hiểm nên phải qua Bồ Đào Nha thay vì đến Venice. Trong khi đó, Ai Cập thì có nội chiến, còn thế giới Hồi giáo đang bị phân hóa, và người Mông Cổ cũng đang trên đà suy sụp. Menzies đi đến một kết luận là chỉ có một quốc gia vào thời đó có đủ tài nguyên, kiến thức khoa học, tàu lớn và kinh nghiệm hàng hải, đó là Trung Quốc. Cuốn sách "1421: The Year China Discovered America" của Gavin Menzies do Harper Collins, New York, xuất bản, là kết quả của hơn 10 năm nghiên cứu, đến thăm 120 quốc gia và hơn 900 thư viện và bảo tàng viện của tác giả. Sau đây, chúng tôi tóm tắt một cách rất sơ lược nội dung cuốn sách, vì không thể nào đi vào tất cả chứng liệu được nêu ra trong cuốn sách này.

Tóm Lược Sách:

Sau hơn 10 năm lãnh đạo nông dân khởi nghĩa chống nhà Nguyên, Chu Nguyên Chương tiến chiếm Đại Đô, tên gọi kinh đô Bắc Kinh khi người Mông Cổ thống trị Trung Quốc, và đuổi vua quan nhà Nguyên về vùng sa mạc phương Bắc. Năm 1368, Chu Nguyên Chương lên ngôi vua, lập ra triều Minh, xưng hiệu là Minh Thái Tổ, đóng đô ở Nam Kinh, được đổi tên là Kim Lăng. Người con thứ tư của Minh Thái Tổ, tên Lê, được 8 tuổi lúc vua cha tiến chiếm Đại Đô, tỏ ra có nhiều bản lĩnh, can đảm và mưu lược. Năm 21 tuổi, Lê được vua cha cử đi tiêu diệt loạn quân ở Vân Nam. Sau khi tiến chiếm được tỉnh này, Lê ra lệnh hành quyết tất cả tù binh, một số còn vị thành niên phải chịu yếm hình, tức là bị thiến. Những thiếu niên này bị giữ làm nô lệ, một số nhỏ có may mắn được đưa về triều làm hoạn quan. Trong cung cấm, họ được hoàng đế tin dùng để bảo vệ hầu hạ hoàng hậu,

vương phi, và cung tần mỹ nữ. Một điều lạ là các hoạn quan gốc Á Rập và Mông Cổ tỏ ra rất trung thành với các hoàng đế và tướng lãnh đã bắt họ chịu cực hình.

Một hoạn quan tên Mã Hoà trước đây bị bắt trong trận Côn Minh được đưa về phục vụ hoàng tử Lệ. Mã Hoà là một dũng sĩ Á Rập theo đạo Hồi, sinh ở Vân Nam. Hoà còn có tên Á Rập là Hadji, vẻ mặt khôi ngô, người to lớn, có sức mạnh, dáng đi hùng dũng, giỏi võ và có cơ mưu. Hoà rất được Lệ tin dùng và được đổi ra họ Trịnh. Khi Lệ được vua cha phong làm Yên Vương và giao nhiệm vụ giữ vùng Bắc Kinh, Trịnh Hoà đi theo hầu. Khi Minh Huệ Đế (con trai trưởng của Minh Thái Tổ được phong làm thái tử đã mất sớm, nên con của người này được chọn kế vị) lên ngôi năm 1399, việc đầu tiên của vị vua trẻ này là tìm cách triệt hạ hết các hoàng thân có thể lục và có thể đe dọa ngôi vua của mình. Minh Huệ Đế ngầm sai một đoàn dũng sĩ lên Bắc Kinh để ám sát chú ruột là Lệ. Theo mưu kế của Trịnh Hoà, Lệ tìm cách lần tránh ra khỏi vương phủ và giả điên. Chỉ trong vài tháng, Trịnh Hoà tập hợp được hơn 800 thanh niên, huấn luyện võ nghệ cho họ, sau đó tìm và tiêu diệt đoàn dũng sĩ của Huệ Đế. Năm 1402, Lê dẫn một đạo quân lớn xuống phía nam vây đánh kinh đô Kim Lăng. Huệ Đế bỏ trốn. Năm 1403, Lê lên ngôi vua, hiệu là Minh Thành Tổ. Năm sau, Thành Tổ dời đô về Bắc Kinh, đổi tên là Yên Kinh. Quyết định thành lập kinh đô mới ngay sát ranh giới Mông Cổ không những nhằm xóa bỏ mọi vết tích của triều vua trước, mà còn tỏ quyết tâm của Thành Tổ sẵn sàng đối đầu với vua nhà Nguyên cũ, luôn luôn rình rập để chiếm lại trung nguyên.

Minh Thành Tổ nuôi mộng làm cho Trung Quốc cường thịnh. Nhà vua có ý đồ tận diệt Mông Cổ ở phương Bắc và mở mang bờ cõi về phía Nam. Năm 1407, Minh Thành Tổ sai tướng Trương Phụ sang đánh chiếm nước ta, sau khi Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần. Nhà vua này còn chủ trương bành trướng ra mặt biển, để phô trương uy thế đến các nước vùng Đông Nam Á và Trung Á. Nhà vua mở rộng gấp đôi các xưởng đóng tàu ở Nam Kinh, rộng nhiều dặm vuông. Bảy xưởng mới được dựng

lên, mỗi xưởng được nối liền với sông Dương tử, và có nhiều ngăn để có thể đóng 3 thuyền lớn cùng một lúc. Hàng chục ngàn thợ mộc, thợ làm buồm được huy động đến các xưởng đóng tàu này. Nhà vua cho đóng khoảng 400 chiến hạm, 1350 tuần đình, và 400 thuyền lớn dùng để vận chuyển lương thực, nước uống và cả ngựa chiến cho hạm đội. Không những tăng cường số chiến thuyền, Minh Thành Tổ còn cho đóng thêm nhiều thương thuyền. Có đến gần 1700 thuyền mới được đóng, trong đó 250 thuyền rất to lớn, mỗi thuyền có 9 cột buồm, 16 ngăn không thấm nước, được gọi là bảo thuyền, dùng để chở hàng hoá và vật quý. Những thuyền này dài đến 145 mét, rộng 55 mét, kích thước thật là khổng lồ so với các thuyền đương thời của Venice bên Âu châu, chỉ có 45 mét dài và 6 mét rộng. Một sử gia ghi rằng khi 9 chiếc buồm được căng lên, chúng như những đám mây to lớn che phủ một góc trời. Khi đi chuyên, mỗi bảo thuyền được một số thuyền buôn nhỏ bao quanh. Những thuyền này dài khoảng 27 mét và rộng 9 mét. Với khả năng của một hải đội to lớn như vậy, đoàn hải hành có thể đi trên 4500 hải lý hoặc có thể ở trên biển hơn 3 tháng mà không cần tiếp tế vật liệu hoặc nước uống.

Năm 1405, Minh Thành Tổ phong Trịnh Hòa làm đại đô đốc, tổng tư lệnh chỉ huy 62 chiếc thuyền với 27800 lính đi về hướng Nam. Đây là một hạm đội lớn chưa từng thấy. Mục đích không những là tìm bắt Minh Huệ Đế, có tin đã trốn thoát ra nước ngoài, mà còn phô trương uy thế với các nước ở xa. Đoàn tàu đi đến Thủy Chân Lạp, Java, Calicut ở Nam Ấn độ và trở về năm 1407. Ngay sau khi về nước, Trịnh Hòa mở trường sinh ngữ ở Nam Kinh để đào tạo thông ngôn biết nói những ngôn ngữ xa lạ với người Trung Quốc như Ả Rập, Ấn Độ, Ba Tư, Tamil,..Sau khi tốt nghiệp, những nhà thông ngôn này được cử đi công tác trên các chiến hạm xuất dương. Chuyến hải hành thứ nhì xuất phát vào năm 1408, lúc về chở theo vua và hoàng gia Tích Lan bị bắt làm tù binh vì họ đã mưu toan ám hại Trịnh Hoà. Chuyến hải hành thứ ba được thực hiện vào năm 1409 đã đến Hormuz cửa ngõ của vịnh Ba Tư. Trong

chuyến thứ tư vào năm 1413, khi đến Mã Lai, Trịnh Hoà chia đoàn tàu ra làm nhiều đội. Một đội đi Bengal, rồi ghé quần đảo Maldive ở Tây Nam Ấn Độ, và Phi châu. Một đội khác đi từ Mã Lai đến biển Ả Rập, vào vịnh Oman rồi đến Hormuz. Chuyến thứ năm, xuất phát năm 1417 và trở về năm 1419, có tính cách ngoại giao hơn. Hạm đội ghé lại các hải cảng thương mại lớn của Đông Nam Á, Ấn độ, Ả Rập và Phi châu. 28 quốc vương, tiểu vương, đại sứ của các nước vùng Ả Rập, Phi châu, Nam và Đông Nam Á được đón về Yên Kinh để dự lễ khánh thành Tử Cấm Thành. Những người này được Minh Thành Tổ chiêu đãi như quốc khách trong gần 2 năm. Ngày 2 tháng 2 năm 1421, hoàng cung mới được khánh thành.



Đại Đô Đốc Trịnh Hoà
(ảnh lấy từ internet)

Một tháng sau đó, ngày 3 tháng 3 năm 1421, các vị quốc khách lên bảo thuyền về nước trong chuyến hải hành thứ sáu của Trịnh Hoà. Chuyến đi này có 800 chiếc thuyền được coi như chuyến lớn nhất, có thêm nhiều đô đốc khác như Hồng Bảo, Chu Mãn, Chu Ôn phụ tá. (Một đô đốc khác, Dương Thanh, đã dẫn một hải đội xuất phát về hướng Nam vào tháng 2

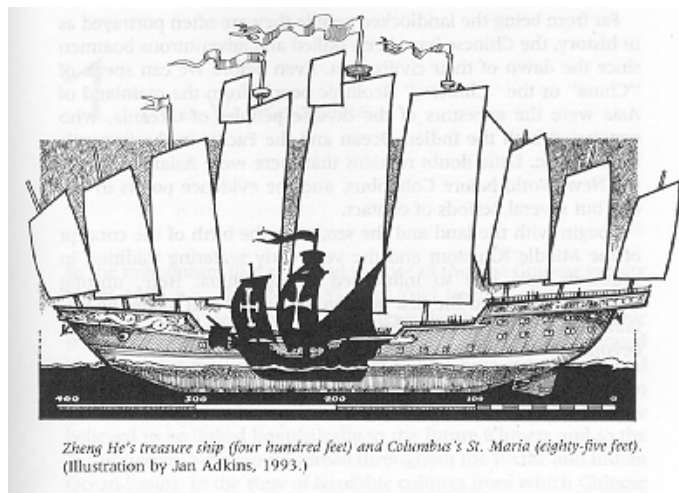
năm 1421, với nhiệm vụ hoàn tất phương pháp xác định kinh độ và đo đạc trong vùng Ấn Độ Dương, biển Ả Rập và vịnh Bengal. Hải đội này trở về nước vào tháng 9 năm 1422). Trong chuyến hải hành thứ sáu này, Trịnh Hoà mang theo một lực lượng khoa học gia hùng hậu: các nhà thiên văn, toán học, kỹ sư, kiến trúc sư, y sĩ, dược sĩ, thực vật học, ... Sử gia Mã Hoán, nhà sư Tăng Hội cũng đi trong chuyến này. Đoàn tàu từ Bắc Kinh ra Hoàng Hải, trực chỉ hướng Nam, ghé nước ta, Thủy Chân Lạp, rồi đến Mã Lai. Tại đây, Trịnh Hoà chia đoàn tàu làm bốn đội, ba đội lớn do các đô đốc Hồng Bảo, Chu Mãn và Chu Ôn chỉ huy, Trịnh Hoà giữ đội nhỏ nhất. Vào tháng 11 năm 1421, Trịnh Hoà trở về Trung Quốc sau khi đã đưa các quốc khách vùng Nam Á về nước.

Ba hải đội kia tiến về hướng Tây và đến cảng Calicut, ở Nam Ấn Độ. Một nhà buôn trẻ tuổi người Venice, nước Ý, tên là Niccolo da Conti, đến đó cùng thời điểm. Hồi ký của da Conti về thuyền buôn và bảo thuyền của Trung Quốc rất giống ký sự của sử gia Mã Hoán. Theo thông lệ, tại mỗi hải cảng, nếu cùng hành trình, thuyền buôn ngoại quốc được Trịnh Hoà cho gia nhập vào hạm đội của mình để được bảo vệ an ninh. Menzies xác quyết rằng Niccolo da Conti được phép gia nhập, và trong 2 năm rong ruổi trên các đại dương, đã thu thập được nhiều tài liệu trong chuyến hải hành thứ sáu này.

Sau Calicut, các hải đội tiến về Đông Phi để đưa các sứ thần Phi châu về nước. Sau đó, cả ba hải đội cùng đi về hướng Nam, đến điểm hẹn là hải cảng Sofala, nay thuộc Mozambique. Đi về hướng Nam, các nhà thiên văn trên hải đội phải dùng sao Nam Tào hay Nam Thập tự giá để định phương hướng, vì sao Bắc Đẩu không còn thấy được nữa.

Hải đội của hai đô đốc Chu Mãn và Hồng Bảo tiếp tục đi sâu xuống phía Nam, vòng theo Mũi Hảo Vọng (họ đến đây trước Bartolomeo Dias 66 năm), rồi đi dọc theo bờ Tây của châu Phi. Hai đội này đi song song lên đến quần đảo

Cape Verde ngoài khơi Sénégal thì gặp luồng hải lưu, nên đổi hướng về Tây Nam, đến bờ Đông của Nam Mỹ, và quần đảo Falkland. Đã từ lâu, người Trung Quốc biết trái đất tròn, và nhờ đo đạc, họ biết rằng quần đảo Falkland đối cực với Bắc Kinh. Hồng Bảo đi trước về phía Tây, đến Patagonia để lấy thêm lương thực và bất ngờ tìm ra eo biển mà sau này được đặt tên là eo biển Magellan (lúc đó, người Trung Quốc đặt tên là eo biển Long Vỹ). Sau đó, Hồng Bảo đổi hướng, đi về phía Nam, đến mỏm đầu của Nam Cực và quần đảo Shetland. Đến đây, hải đội quay về hướng Đông, gặp các đảo Heard, Kerguelen, rồi đến bờ Tây của Úc châu. Hồng Bảo và thủy thủ đoàn về nước vào tháng 10 năm 1423.



Zheng He's treasure ship (four hundred feet) and Columbus's St. Maria (eighty-five feet). (Illustration by Jan Adkins, 1993.)

Thuyền của Trịnh Hoà lớn hơn thuyền của Columbus rất nhiều

Vượt qua eo biển Long Vỹ (hay eo biển Magellan), hải đội của Chu Mãn được dòng hải lưu đưa về hướng Bắc, đi dọc theo bờ Tây của Nam Mỹ. (Sau này, khi người Tây Ban Nha đến Peru, họ thấy giống gà Á châu ở đó, có thể là hải đội của Chu Mãn đã dùng gà để trao đổi với người Inca, rất thích loại gia cầm này). Chu Mãn tiếp tục tiến về hướng Bắc, đến quần đảo Samoa thì một dòng hải lưu mạnh tách đôi hải đội làm hai. Một toán đi về hướng Bắc, đến Tân Guinea. Một toán khác đi về hướng Tây, đến bờ Đông của Úc châu. Các thuyền này tiếp tục đi về hướng Nam, đến đảo Campbell, rồi đổi hướng, gặp các đảo Tân Tây Lan. Chu Mãn

có thể theo hướng Bắc mà về Trung Quốc, nhưng khi vào lại Thái Bình Dương, phía Đông quần đảo Phi Luật Tân, nhờ gió và hải lưu, đoàn thuyền được đưa lên Bắc Mỹ và Mễ Tây Cơ. Trong đoạn đường này, có thể đã có nhiều thuyền lớn bị đắm. (Menzius cho biết có vài chiếc thuyền bị đắm ở bãi biển Neahkahnie, tiểu bang Oregon, Hoa Kỳ, những thuyền này không phải của người Âu vì làm bằng gỗ lim, một loại gỗ đặc biệt rất cứng của Việt Nam, mà quân đô hộ nhà Minh khai thác đem về nước để đóng tàu). Menzius còn xác đoán rằng vì thiếu tàu lớn, Chu Mãn phải để lại một số thủy thủ và vợ con định cư tại California, và những người này là những người đầu tiên trồng lúa tại Mỹ châu. Khi đến Mễ Tây Cơ, đúng vào thời văn minh Maya, Chu Mãn cho đo đạc khá kỹ lưỡng bờ Tây của nước này. Menzius quả quyết rằng người Trung Quốc đã đặt chân đến Uruapan, một thành phố trong đất liền phía tây của Mexico City. Họ ở đây khá lâu để truyền kỹ thuật nhuộm và sơn mài cho người Mễ, cũng như trao đổi thương mại với họ. Chu Mãn sau đó tiếp tục đi xuống Nam Mỹ. Hải đội dừng chân ở đây khá lâu, bây giờ một vài từ tiếng Hán vẫn được người bản xứ dùng, như sampan (thuyền tam bản) của Trung Quốc được người Colombia gọi là champan. Chu Mãn về đến Nam Kinh ngày 8 tháng 10 năm 1423.

Hải đội của đô đốc Chu Ôn khi ở khu quần đảo Cape Verde bị dòng hải lưu vùng xích đạo đẩy lên phía bắc, đến các đảo Guadeloupe, Puerto Rico, rồi đến Haiti và Cuba. (Menzius có đến thăm vùng này, nhân thấy Puerto Rico có nhiều loại cây xa lạ được trồng ở đây: cà phê gốc Đông Phi, soài, măng cầu Xiêm, khế, đu đủ gốc Đông Nam Á, dưa leo gốc Ấn Độ, dưa gốc Thái Bình Dương. Tất cả đã có trước khi Christopher Colombus đến. Menzius quả quyết rằng Chu Ôn đã mang các loại cây kể trên đến vào năm 1421). Đoàn thuyền của Chu Ôn tiến vào quần đảo Bimini và bờ biển Florida rồi tiến về hướng Bắc, đến Rhode Island, và Massachusetts. Một vài thuyền lớn của Chu Ôn bị hư hại dọc theo bờ biển này, và Menzius giả thuyết rằng Chu Ôn phải để lại một phần thủy thủ đoàn cùng vợ con ở vùng New

England. (Vào năm 1524, nhà thám hiểm Giovanni de Verrazzano người Venice ghé lại Rhode Island 15 ngày, ghi nhận rằng dân địa phương này có màu da nhạt, gân như trắng, một số khác màu vàng, tóc dài và đen, mắt cũng đen. Phụ nữ rất xinh đẹp, cử chỉ đoan trang chứng tỏ họ được dạy dỗ chu đáo. Họ không mặc da thú như nhiều thổ dân các vùng khác, mà mặc quần áo vải. Khi có gia đình, họ thường đeo trang sức giống phong tục của người Đông phương). Khi gặp các luồng hải lưu nước lạnh từ Bắc Đại Tây Dương, hải đội của Chu Ôn bị tách làm hai. Một đoàn đi về hướng Đông, đến quần đảo Azores. Tại hòn đảo cực tây là Corvo, thủy thủ đoàn dựng tượng Minh Thành Tổ, chứng tỏ họ đã đặt chân đến đảo này trước người Bồ Đào Nha. Sau đó, đoàn thuyền theo hướng Nam, bọc qua Mũi Hảo Vọng của Nam Phi châu, rồi về nước. Đoàn thứ nhì của Chu Ôn đi về hướng Bắc, được dòng Gulf Stream đưa lên bờ Bắc của Gia Nã Đại. Rồi hải lưu Tây Greenland đưa đoàn thuyền đi vòng bờ Bắc và Đông của đảo Greenland này. Toán đo đạc đã làm việc thật kỹ lưỡng, để lại một bản đồ chính xác, không khác bản đồ hiện đại bao nhiêu. Gió mạnh và hải lưu lại đưa đoàn thuyền đến Iceland. (Sau này, Christopher Columbus viết trong tập hồi ký của ông ta tặng Giáo Hoàng Pius đệ nhị: “Người Trung Quốc (Cathay) từ phương Đông đã đến đảo này (Iceland) rồi”). Menzius còn thêm rằng đoàn thuyền của Chu Ôn khi ở bờ Bắc Greenland có thể đã đến thám hiểm Bắc Cực vì chỉ mất chưa đến 2 ngày đường. Nếu đúng như vậy, họ đã đến Bắc Cực 5 thế kỷ trước người Âu. Rồi đoàn thuyền của Chu Ôn tiến về hướng Đông, dọc theo bờ Bắc của Tây Bá Lợi Á, vào eo biển Bering để về nước. Kết quả đo đạc bờ Bắc của Tây Bá Lợi Á sau đó được đưa vào bản đồ thế giới Waldseemuller xuất bản năm 1507. Hai thế kỷ sau đó, người Nga mới bắt đầu công tác đo đạc vùng này.

Triều Minh Thành Tổ đạt đến thời cực thịnh khi xây cất xong Tử Cấm Thành ở Yên Kinh. Nhưng vào đêm mùng 9 tháng 5 năm 1421, khoảng 2 tháng sau khi Trịnh Hoà xuất dương lần thứ sáu, một cung điện trong Tử Cấm

Thành phát hoả, cháy lan ra các cung điện khác. Lửa chỉ được dập tắt vào trưa ngày hôm sau, lúc đó hơn 250 cung thất bị cháy thành tro. Dân chúng, quan quân và cung phi bị chết cháy rất nhiều. Các cung điện chính nằm trên trục Tử Cấm Thành như điện Thái Hoà, điện Trung Hoà, và cả ngai vàng nhà vua cũng tiêu tan. Ngân khố triều đình kiệt quệ, không những vì công trình xây Tử Cấm Thành, mà còn vì mở rộng sông Vận Hà và xây dựng một hạm đội khổng lồ. Vua quan nhà Minh lại phải thường xuyên đối đầu với nạn xâm lăng của quân Mông Cổ phương Bắc. Minh Thành Tổ về già thêm nhiều bệnh. Một mối nhục cho vị vua hùng tài này là quân Minh xâm lăng nước ta bị nghĩa quân của Lê Lợi đánh cho thảm bại trong vùng Nghệ An và Thanh Hoá. Ngày 12 tháng 8 năm 1424, Minh Thành Tổ mất vào tuổi 64. Con trai lên ngôi với hiệu là Minh Nhân Tông, phải đương đầu với ngân quỹ khô cạn, lòng dân mệt mỏi. Nhà vua ra lệnh đình chỉ mọi công tác to lớn và tốn kém.

Sau hơn 2 năm rưỡi chu du thám hiểm và rong ruổi trên các đại dương, hạm đội của Trịnh Hoà và các đô đốc Dương Thanh, Hồng Bảo, Chu Mãn và Chu Ôn trở về nước, mang về nhiều hiểu biết mới từ các vùng đất xa lạ, tăng thêm kiến thức về hàng hải. Nhưng thật mỉa mai, hạm đội không những không được đón tiếp về vang, mà còn bị vua mới và triều đình nhìn với con mắt oán trách vì bị coi như đã làm phung phí tài nguyên nhân vật lực và công quỹ. Các cấp chỉ huy đều bị giáng chức, trừ Trịnh Hoà. Có thể Hoà có uy tín quá lớn và là cận thần của tiên đế, nên vị tân vương không nỡ làm nhục. Nhưng Hoà bị bãi chức tổng quản trị khu xưởng đóng tàu Nam Kinh. Đến cuối đời, Hoà được Minh Tuyên Tông ban cho một đặc ân là làm một chuyến hành hương bằng đường biển đến thánh địa của Hồi giáo là Mecca. Đó là chuyến hải hành lần thứ bảy và cũng là lần cuối của triều Minh. Vì ngay từ đời Minh Nhân Tông, kế hoạch đóng thuyền lớn bị hủy bỏ, thuyền hư không được sửa chữa, các xưởng đóng tàu bị đóng cửa. Nhiều vật liệu quý giá mang từ phương xa về bị bỏ phế. Tất cả tài liệu kỹ thuật, ghi chép, đo đạc trong chuyến hải hành bị tịch

thu và thiêu hủy. Trường thông ngôn bị đóng cửa. Ngay cả việc xuất ngoại buôn bán cũng bị cấm. Không những trong triều Minh, mà cho cả đến cuối triều Thanh, Trung Quốc thi hành chính sách bế quan tỏa cảng.

Menzies xác quyết rằng tuy tài liệu thu thập được trong chuyến hải hành thứ sáu của Trịnh Hoà đã bị triều đình Trung Quốc thiêu hủy, người Âu, đặc biệt người Bồ Đào Nha, đã thu thập được nhiều dữ kiện để hoàn thành được bản đồ thế giới. Chính Niccolo da Conti là một tác nhân quan trọng đã giúp hoàn thành các bản đồ đó. Da Conti viết hồi ký về các chuyến phiêu lưu cùng hạm đội của Trịnh Hoà, và nhờ nhà bản đồ học Fra Mauro, người cùng quê Venice, xuất bản. Và cũng nhờ các tài liệu của Da Conti mà Fra Mauro ở Venice đã vẽ lại một số bản đồ mà hạm đội của Trịnh Hoà hoàn thành trước đó. Một trong những bản đồ đầu tiên và quan trọng cho những cuộc thám hiểm sau này của người Âu là bản đồ thế giới năm 1428, do Dom Pedro, anh ruột vua Bồ Đào Nha, mang về từ Venice. Bản đồ thế giới này có vẽ cả Mũi Hảo Vọng (lịch sử công nhận Bartolomeu Dias là người đầu tiên đi đến đây năm 1487, tức là gần 60 năm sau khi có bản đồ này) và một eo biển mà sau này được đặt tên là eo biển Magellan (Magellan chỉ đến đây gần một thế kỷ sau khi bản đồ này được vẽ ra). Menzies quả quyết rằng Christopher Columbus cũng dựa vào bản đồ này khi đi thám hiểm năm 1492. Năm 1501, một thủy thủ trong đoàn thám hiểm này vẫn còn giữ lại một phần của bản đồ, trên đó Christopher Columbus có viết tay vài ghi chú. Nhật ký của Christopher Columbus có ghi vài đoạn cho thấy rằng ngay khi còn ở giữa Đại Tây Dương, ông ta đã tỏ ra biết chắc chắn có đất liền ở cả hướng Bắc và hướng Nam tuyên đi. Menzies kết luận rằng Columbus, cũng như Magellan và Cook sau này, đã thành công trong công cuộc thám hiểm vì họ đi lại đúng bước chân của người Trung Quốc trước đó. Họ nhìn xa được, chỉ vì họ đứng trên vai người khổng lồ. /.